

Số: 81/2024/QĐST-HNGĐ

Bắc Giang, ngày 07 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA
THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 154/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Hoàng Thị Tuyết N**, sinh năm 1988

Hộ khẩu thường trú: **Tổ dân phố số B, thị trấn B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang**

Nơi cư trú: **Căn G** – Toà CT1, chung cư Green City, đường Trần Quang Khải, phường Thọ Xương thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1989

Hộ khẩu thường trú: **Tổ dân phố số B, thị trấn B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang**

Nơi cư trú: **Căn G** – Toà CT1, chung cư G, đường T, phường T thành phố B, tỉnh Bắc Giang

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Hoàng Thị Tuyết N** và anh **Nguyễn Minh T** kết hôn ngày 23/10/2012, đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang** trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong khi giải quyết các vấn đề của gia đình. Anh chị đã cố gắng hoà giải và thay đổi, gia đình hai bên cũng nhiều lần động viên, hoà giải

nhưng không cải thiện được mối quan hệ vợ chồng. Tại Biên bản hòa giải ngày 30 tháng 5 năm 2024, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N và anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, chị N và anh T đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể hoà giải đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu của chị N, anh T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị N, anh T theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Chị N, anh T có 03 con chung là Nguyễn Hoàng Diệu A, sinh ngày 28/5/2014; Nguyễn Hoàng Mỹ A1, sinh ngày 28/5/2014 và Nguyễn Như Diễm Q, sinh ngày 28/6/2017. Khi ly hôn, chị N và anh T thỏa thuận: Chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung. Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con với mức 6.000.000đ/tháng (Sáu triệu đồng một tháng), mỗi con 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng một tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2024 đến khi các con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, thỏa thuận về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của chị N, anh T1 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận của chị N, anh T1 về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị N, anh T1 xác nhận mỗi người đã nộp 150.000đồng tiền tạm ứng lệ phí vào chung 01 Biên lai số 0001805 ngày 29/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Chị N, anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Tuyết N và anh Nguyễn Minh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Hoàng Thị Tuyết N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 (ba) con chung là Nguyễn Hoàng Diệu A, sinh ngày 28/5/2014; Nguyễn Hoàng Mỹ A1, sinh ngày 28/5/2014 và Nguyễn Như Diễm Q, sinh ngày 28/6/2017. Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị N nuôi 03 (ba) con chung với số tiền 6.000.000đ/tháng (Sáu triệu đồng một tháng), tức mỗi con 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng một tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 6/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc

đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị N, anh T mỗi người chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà mỗi người đã nộp 150.000đồng theo Biên lai số 0001805 ngày 29/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP. Bắc Giang;
- VKSND TP. Bắc Giang;
- Dương sự;
- UBND thị trấn Bích Đông, TX Việt Yên;
(GCNKH số 51/2012, Quyển số 01/2012)
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan